TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM GIÀNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23-11-2018.
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG - HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đoàn Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Ngạn

2. Ông Đào Văn Hoàn

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Mạnh Hà – Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *huyện Cẩm Giàng tham gia phiên toà*: Bà Tống Thị Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xét xử công khai vụ án thụ lý số 235/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2018/QĐXX-ST ngày 23 tháng 10 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08/11/2018 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T** (*tên gọi khác Nguyễn Thị T*), sinh năm 1974; nơi ở hiện tại thôn PA, xã CA, huyện CG, tỉnh HD; có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1975; nơi cư trú thôn AT, xã CĐ, huyện CG, tỉnh HD(vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bầy: Chị và anh C tự tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Định vào ngày 10-5-2000. Cuộc sống chung được một thời gian ngắn thì mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C không quan tâm chăm lo đến gia đình vợ con, thường xuyên chơi bời cờ bạc, rượu chè rồi về gây sự chửi bới, đánh đập chị; mọi công việc trong nhà đều do mình chị gánh vác; anh C còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác làm cho tình cảm vợ chồng dạn nứt. Vì

các con, chị đã cố gắng chịu đựng nhiều năm. Nay, nhận thấy hôn nhân không có hạnh phúc, chị không thể tiếp tục chịu đựng nữa nên đã cùng các con chuyển về gia đình nhà bố mẹ đẻ ở xã CA, huyện CG sinh sống. Trong thời gian sống ly thân, anh C vẫn không quan tâm và không có trách nhiệm gì với vợ con. Chị xác định không còn tình cảm với anh C, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Hồng H, sinh ngày 23-12-1998 và Nguyễn Thị HA, sinh ngày 15-12-2006. Cháu H đã thành niên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu HA, chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

(Chị T giao nộp tại phiên tòa Hợp đồng lao động đã được đối chiếu bản chính, bảng lương phô tô).

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 04-10-2018, bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày: Anh và chị T tự tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Định vào ngày 10-5-2000. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do bất đồng về tính cách, không có tiếng nói chung trong cuộc sống; cũng một phần do anh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Anh nhận ra sai lầm và đã tìm một số biện pháp nhưng tình cảm vợ chồng vẫn chưa hàn gắn được. Tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh hiện nay rất căng thẳng. Anh xác định vợ chồng là người lớn có chia tay cũng không sao nhưng vì các con nên anh không đồng ý ly hôn; đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải, nếu chị T vẫn kiên quyết muốn ly hôn, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có hai con chung, họ tên tuổi như chị T khai là đúng. Do anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ nên không đưa ra quan điểm.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức: Anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 08-10-2018, anh Nguyễn Hồng H (con trai của chị T anh C)trình bày: Trong cuộc sống gia đình, giữa bố mẹ anh xảy ra nhiều xích mích; bố anh là người ham chơi bời, liên tục rượu chè bỏ bê gia đình, không quan tâm chăm lo đến mẹ con anh, nhiều lần bố anh còn chửi bới, xúc phạm lăng mạ mẹ con anh, khiến cuộc sống mẹ con anh luôn bị đè nén áp lực nặng nề. Bố anh mắc nhiều sai lầm, đã hứa sửa chữa nhưng chỉ hứa để đấy rồi lại tiếp tục những thói hư tật xấu. Nay bố anh không nhất trí ly hôn chủ yếu là

gây khó khăn cho mẹ anh; theo anh việc bố mẹ ly hôn không ảnh hưởng gì đến anh em anh. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho mẹ anh được ly hôn bố anh.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 17-9-2018, cháu Nguyễn Thị HA (con gái của chị T anh C) trình bày: bố mẹ cháu xảy ra mâu thuẫn từ lâu, thường xuyên xích mích, cãi vã, có lần bố đánh mẹ; nguyên nhân của những mâu thuẫn này từ đâu cháu không rõ; cháu còn biết bố cháu có quan hệ với người phụ nữ khác khiến mẹ cháu rất buồn. Bố cháu thường đi làm xa không mấy khi về nhà. Nếu bố mẹ ly hôn, cháu xin ở với mẹ vì cháu là gái cần có mẹ bên cạnh.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 10-10-2018 của người hàng xóm thể hiện: Qua thực tế thấy vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích, cãi vã; nhiều người sang can ngăn, giải hòa; có lần anh C đập phá đồ đạc, ném đồ xuống ao. Anh C có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến việc đánh ghen. Hiện nay chị T đã đưa các con về bên ngoại ở.

Tại biên bản xác minh ngày 10-10-2018, chính quyền địa phương xã Cẩm Định cung cấp: Anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị T có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Định. Qua nắm bắt thực tế thấy vợ chồng anh C đã xảy ra mâu thuẫn từ lâu, thường xuyên cãi nhau, thậm chí đánh chửi đập phá đồ đạc đã được gia đình hai bên, hàng xóm nhắc nhở; nguyên nhân một phần là do anh C ham chơi, rượu chè và còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác làm ảnh hưởng hạnh phúc gia đình. Hiện nay chị T và các con đã chuyển về bên ngoại tại xã CA sinh sống; anh C đi làm thợ xây, thi thoảng mới về nhà. Quan điểm địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh C vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà, chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các ý kiến đã trình bày trong quá trình thu thập chứng cứ. Anh C vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng phát biểu ý kiến: việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, HĐXX, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng qui định của BLTTDS; người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng qui định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng qui định tại Điều 70; Điều 72 BLTTDS; Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T ly hôn với anh C.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị HA cho chị T nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương giải quyết ly hôn anh C, đồng thời giải quyết về con chung của vợ chồng khi ly hôn vì anh chị không thể thỏa thuận được với nhau; đây là những tranh chấp phát sinh trong hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm quyền giải quyết: Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T thể hiện bị đơn là anh Nguyễn Văn C, cư trú tại thôn AT, xã CĐ, huyện CG, tỉnh HD. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng.

Người tham gia tố tụng: Quá trình thu thập chứng cứ anh C là bị đơn không có yêu cầu phản tố, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T (tên gọi khác T1) và anh Nguyễn Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Định, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương vào ngày 10 tháng 5 năm 2000, là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống chị T, anh C chỉ được hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân vợ chồng cùng xác định là do không hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm, nghi ngờ nhau về sự không chung thủy dẫn đến vợ chồng không còn hạnh phúc. Anh C cũng thừa nhận do anh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác làm dạn nứt tình cảm vợ chồng, hiện nay vợ chồng rất căng thẳng, đang sống ly thân; anh đã tìm nhiều cách để khắc phục nhưng không cải thiện được. Anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ

nhưng lại cố ý chuyển đi làm ăn xa mục đích để tránh mặt chị T; anh đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải cho vợ chồng nhưng khi biết được các thông tin về thời gian địa điểm Tòa án tiến hành hòa giải thì anh lại không đến; điều đó chứng tỏ anh C không còn tình thương yêu chị T và không muốn đoàn tụ thực sự. Lý do anh không đồng ý ly hôn chị T không phải vì anh còn tình yêu với chị mà chỉ vì thương các con, muốn các con có đầy đủ cả bố lẫn mẹ. Nhận thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị T, anh C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không còn tồn tại, yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quan hệ con chung: Anh C, chị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Hồng H, sinh năm1998 đã trưởng thành nên Tòa án không phải giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Thị HA, sinh ngày 15-12- 2006, còn nhỏ, chị T đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Khi lấy lời khai, Tòa án đã thông báo quan điểm của chị T về con chung cho anh C biết nhưng anh cũng không có ý kiến gì, chỉ một mực không đồng ý ly hôn nên không có quan điểm. Xét đề nghị được tiếp tục nuôi con sau khi ly hôn của chị T, HĐXX nhận thấy: cháu HA năm nay 13 tuổi, là gái rất cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ trong giai đoạn tâm sinh lý phát triển; hiện tại cháu đang ở cùng mẹ và có nguyện vọng tiếp tục được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn; bản thân chị T hiện đang là công nhân Công ty TNHH MTV KR Việt Nam, có thu nhập và nơi cư trú ổn định; trong khi anh C là thợ xây thường đi làm xa, ít khi về nên không có thời gian gần gũi chăm sóc con; việc giao con cho anh C chăm sóc nuôi dưỡng trong thời gian này là chưa phù hợp, do vậy cần giao cháu Ánh cho chị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên hoặc khi chị T anh C có yêu cầu khác; việc chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con là tự nguyện, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức: Anh C, chị T đều xác định không yêu cầu giải quyết nên không phải giải quyết.

[3]. Về án phí*:* Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố

tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/QH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thán;

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T (tên gọi khác Nguyễn Thị T1) ly hôn anh Nguyễn Văn C.

Về quan hệ con chung: Sau ly hôn, giao con chung Nguyễn Thị HA, sinh ngày 15-12-2006 cho chị Nguyễn Thị T (T1) trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đến khi thành niên hoặc khi chị T anh C có yêu cầu khác.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị T.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T (tên gọi khác T1) phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn; được đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0002260 ngày 10-9-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Chị Nguyễn Thị T (tên gọi khác T1) đã nộp đủ tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn là chị T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn là anh C không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. /.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Cẩm Giàng*
- *Chi cục THA dân sự huyện Cẩm Giàng*
- *Đương sự;*
- *UBND xã Cẩm Định, Cẩm Giàng.*
- *Lưu hồ sơ, lưu VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đoàn Thị Thúy